

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)

Điện thoại : 024.3766.7979 — 0945.684.838 Fax:

Tổng số: 6

Danh Mục

Tổng giá trị: 3 052 150 000

(ba tỷ năm mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)

Địa chỉ : 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028-38441988

Fax: 028-38440446

Tổng số: 8	Danh Mục
Tổng giá trị: 1 863 894 270	(một tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi đồng)

Bảng số 1
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
GÓI SỐ 1

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)

Nhà thầu : 0825161-Công ty TNHH Dược phẩm Atipharm

Địa chỉ : Lô C16A-2, Đường số 14, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 906994559

Fax:

STT	Mã số	Nhóm	Tên hoạt chất	ĐVT	Dạng bào chế	Hàm lượng	Tên thương mại	Hãng SX	Nước SX	Số đăng ký	Qui cách đóng gói	Hạn dùng	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
1	G10317	Nhóm 4	Betahistine dihydrochloride	Viên	Viên nén	24 mg	Betahistin 24 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110017000	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	842 200	352.0	296 454 400
2	G10411	Nhóm 4	Calci glycerophosphat; Magnesi gluconat	ống	Dung dịch uống	(45,6 mg/ml; 42,6 mg/ml); 10ml	A.T Calmax	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893100345823	Hộp 30 ống x 10 ml	24 tháng	3 000	3 500.0	10 500 000
3	G10474	Nhóm 4	Carbocisteine	ống	Dung dịch uống	50 mg/ml (5% kl/tt); 5ml	Atilude	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893100277623 (VD-29690-18)	Hộp 30 ống x 5 ml	24 tháng	46 000	1 550.0	71 300 000
4	G10670	Nhóm 4	Clobetasol propionat	Tuýp	Kem bôi da	0,05%; 30g	Derminate	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-35578-22	Hộp 1 tuýp 30g	36 tháng	3 440	27 300.0	93 912 000
5	G10820	Nhóm 4	Domperidon	Chai	Hỗn dịch uống	1mg/ml; 30ml	A.T Domperidon	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110275423	Hộp 1 chai x 30 ml	24 tháng	29 900	4 150.0	124 085 000
6	G10821	Nhóm 5	Domperidon	Chai	Hỗn dịch uống	1mg/ml; 30ml	A.T Domperidon	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110275423	Hộp 1 chai x 30 ml	24 tháng	2 150	4 150.0	8 922 500
7	G10885	Nhóm 4	Enalapril maleate, Hydrochlorothiazide	Viên	Viên nén	10mg, 25mg	A.T Enalapril HTZ 10-25	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110043524	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	15 000	960.0	14 400 000
8	G11318	Nhóm 4	Ketoconazol	Tuýp	Kem bôi da	2% (kl/kl); 10g	A.T Ketoconazole 2%	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-35727-22	Hộp 1 tuýp 10g	36 tháng	12 470	4 090.0	51 002 300
9	G11320	Nhóm 5	Ketoconazol	Tuýp	Kem bôi da	2% (kl/kl); 5g	A.T Ketoconazole 2%	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-35727-22	Hộp 1 tuýp 5 g	36 tháng	800	2 738.0	2 190 400
10	G11372	Nhóm 4	Levocetirizin dihydrochlorid	Chai	Dung dịch uống	0,5 mg/ml (0,05% kl/tt); 30ml	Aticizal	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110287900 (VD-27797-17)	Hộp 1 chai x 30 ml	24 tháng	22 000	32 000.0	704 000 000
11	G11390	Nhóm 4	Mỗi 20ml dung dịch đậm đặc chứa Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate) 500mg	Lọ	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	500mg/20ml	Levanti 500mg/20ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-35931-22	Hộp 5 lọ x 20 ml	36 tháng	7 500	13 440.0	100 800 000
12	G11511	Nhóm 4	Meloxicam	ống	Dung dịch tiêm	15mg/1,5ml	Atimecox 15 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110277723	Hộp 10 ống x 1,5 ml	24 tháng	61 500	1 810.0	111 315 000
13	G11563	Nhóm 4	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat)	Lọ	Thuốc tiêm đông khô	125mg	Atisolu 125 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110148724	Hộp 5 lọ + 5 ống dm 2 ml	24 tháng	87 500	20 860.0	1 825 250 000
14	G11610	Nhóm 4	Mometason furoat	Tuýp	Kem bôi da	0,1%; 15g	A.T Mometasone furoate 0,1%	Công ty Cổ phần Dược phẩm An	Việt Nam	VD-35422-21	Hộp 1 tuýp 15g	36 tháng	500	40 500.0	20 250 000

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)

Fax:

Tổng số: 22	Danh Mục
Tổng giá trị: 6 445 589 700	(sáu tỷ bốn trăm bốn mươi năm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm đồng)